

Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2022

**ĐIỂM BÀI THU HOẠCH**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (Nguyễn Bình)

Phần C.I. Xây dựng Đảng

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Đặng Thị Lịch	7,00	Bảy
2	Lương Thị Kim Cúc	8,00	Tám	42	Hoàng Thị Liên	8,00	Tám
3	Ngô Đức Chính	7,50	Bảy phẩy năm	43	Hà Thị Hồng Linh	7,00	Bảy
4	Nguyễn Văn Chuyên	7,50	Bảy phẩy năm	44	Bàn Thị Lưu	8,00	Tám
5	Triệu Thị Diệp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	45	Tô Thị Mến	7,00	Bảy
6	Nguyễn Thị Thu Dung	8,25	Tám phẩy hai năm	46	Hoàng Lê Miên	7,00	Bảy
7	Hoàng Kim Dung	8,00	Tám	47	Bé Thị Lê Na	7,00	Bảy
8	Hoàng Thị Dung	8,00	Tám	48	Chu Thị Nài	7,50	Bảy phẩy năm
9	Hoàng Anh Dũng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	49	Hoàng Thị Nét	7,50	Bảy phẩy năm
10	Hoàng Thị Duyên	8,00	Tám	50	Diêu Thị Nga	7,00	Bảy
11	Lê Thị Diệp	8,25	Tám phẩy hai năm	51	Triệu Thị Nga	7,00	Bảy
12	Nông Văn Giang	8,00	Tám	52	Hoàng Thị Nga	7,00	Bảy
13	Nông Đức Giáp	8,00	Tám	53	Hoàng Minh Nga	7,00	Bảy
14	Nông Thị Gióng	8,00	Tám	54	Chu Thị Ngân	7,00	Bảy
15	Tô Hồng Hạnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Triệu Kim Ngân	5,00	Năm
16	Nông Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Nông Thị Ngân	7,50	Bảy phẩy năm
17	Nông Thu Hằng	8,00	Tám	57	Lương Thị Ngọc	6,50	Sáu phẩy năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	8,00	Tám	58	Hoàng Thị Nha	7,00	Bảy
19	Nông Thị Hân	8,25	Tám phẩy hai năm	59	Lương Thị Phượng	7,00	Bảy
20	Đặng Thu Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Lê Thị Phượng	7,00	Bảy
21	Đinh Ích Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	61	Ma Thị Quyên	7,00	Bảy

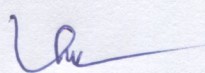
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Đào Thị Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Lê Đăng Tiên	6,50	Sáu phẩy năm
23	Chu Thị Hoàn	7,50	Bảy phẩy năm	63	Bé Quang Tiên	6,00	Sáu
24	Cung Lê Hoàng	7,00	Bảy	64	Vi Hữu Toàn	7,50	Bảy phẩy năm
25	Nông Thị Hồng	8,00	Tám	65	Hà Quốc Toàn	7,00	Bảy
26	Đinh Văn Huấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7,00	Bảy
27	Triệu Ngọc Huấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	67	Hà Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
28	Phương Quốc Huy	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Hà Văn Tuynh	6,50	Sáu phẩy năm
29	Đinh Thị Thu Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	69	Trương Thị Mai Thanh	7,50	Bảy phẩy năm
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	7,25	Bảy phẩy hai năm	70	Bàn Văn Thắng	6,50	Sáu phẩy năm
31	Tạ Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	71	Nông Thị Bích Thu	7,00	Bảy
32	Đàm Thị Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Lương Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nguyễn Thanh Hường	7,50	Bảy phẩy năm	73	Nguyễn Thị Thúy	7,50	Bảy phẩy năm
34	Hoàng Thị Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	74	Bàn Phúc Thượng	7,00	Bảy
35	Lương Xuân Hường	8,00	Tám	75	Lương Văn Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Văn Khởi	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Lý Ngọc Trịnh	7,00	Bảy
37	Hoàng Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	77	Nông Thị Uyên	7,50	Bảy phẩy năm
38	Lương Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	78	Phạm Thị Hồng Việt	7,50	Bảy phẩy năm
39	Hà Hồng Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	79	Chu Thị Yến	7,50	Bảy phẩy năm
40	Dương Văn Lành	6,00	Sáu				

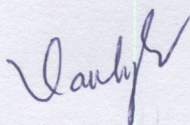
Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,50: 04 điểm; Điểm 7,00: 20 điểm; Điểm 7,50: 19 điểm;  
Điểm 7,75: 16 điểm; Điểm 8,00: 13 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG









Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Hoàng Việt Hưng